

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 34CCD2 N h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 1230173022-801 - D to ãn c ãng tr ãnh H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
1	3471010016	34CCD2	Ph m V ã	B c	29/04/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
2	3371010052	34CCD6	Nguy n Ng c	C ng	09/02/1991				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
3	3471010033	34CCD6	Mai V ã	Chi n	06/07/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
4	3471010054	34CCD3	Nguy n T ã	Danh	30/09/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
5	3471010087	34CCD1	D ng T	ñ i m	24/02/1991				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
6	3471010094	34CCD1	Nguy n ã c	ñ	06/01/1992				8.0	8.0		8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	
7	3471010112	34CCD7	Võ Huy	H i	28/10/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
8	3471010128	34CCD1	Tr n Qu c	Hoàn	11/07/1992				7.0	8.0		7.5	2.3	6.0	4.2	6.5	
9	3471010124	34CCD3	Phan Minh	Ho t	04/03/1992				7.0	6.0		6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
10	3471010140	34CCD7	Nguy n V ã	Hòa	28/04/1990				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
11	3471010207	34CLC-CD	Tr nh ã c	M nh	22/09/1991				8.0	7.0		7.5	2.3	8.0	5.6	7.9	
12	3471010241	34CCD7	Nguy n M u	Núi	10/09/1992				8.0	7.0		7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
13	3471010230	34CCD6	Ph m Minh	Nguyễn	06/02/1992				8.0	8.0		8.0	2.4	4.0	2.8	5.2	
14	3471010238	34CCD6	B ã i ã c	Nhu n	18/09/1992				5.0	6.0		5.5	1.7	3.0	2.1	3.8	
15	3471010239	34CCD1	Phan Tr ng	Nhu n	27/04/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
16	3471010252	34CLC-CD	Tr nh V ã h Ho ã	Phúc	14/10/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
17	3471010254	34CLC-CD	Nguy n Ng c	Ph ng	07/09/1990				7.0	7.0		7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
18	3471010260	34CCD5	Ph m V ã	Quang	10/08/1991				7.0	7.0		7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
19	3471010267	34CCD7	Nguy n V ã	Sinh	02/02/1992				7.0	8.0		7.5	2.3	9.0	6.3	8.6	

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 34CCD2 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 1230173022-801 - D to ầ n c ầ ng tr ầ h H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3471010339	34CCD2	Nguy n H u	Ti p	23/03/1992				6.0	6.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
21	3471010346	34CCD7	Tr n Tr ng	T	05/07/1991				6.0	7.0		6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	
22	3471010376	34CCD6	Tr n Ho ầ ng	Tu n	21/12/1992				6.0	7.0		6.5	2.0	8.0	5.6	7.6	
23	3471010379	34CCD6	Kh ng Minh	Tùng	21/04/1992				8.0	7.0		7.5	2.3	3.0	2.1	4.4	
24	3471010417	34CLC-CD	Nguy n Ng c	Tùng	12/01/1991				8.0	7.0		7.5	2.3	8.0	5.6	7.9	
25	3471010383	34CLC-CD	H Tu n Anh	Tú	16/01/1992				8.0	7.0		7.5	2.3	8.0	5.6	7.9	
26	3471010388	34CCD3	Tr n V ấ	T ng	10/06/1992				8.0	7.0		7.5	2.3	9.0	6.3	8.6	
27	3471010302	34CCD6	Nguy n Quang	Thái	09/12/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
28	3471010288	34CCD1	ấ u V ấ	Th ng	20/05/1991				7.0	7.0		7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
29	3471010308	34CCD7	Nguy n B ầ	Thiên	03/01/1991				7.0	7.0		7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	

T ng s : 29 h c sinh sinh vĩ ầ n
Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi ầ o V ầ n B M ầ n Gi ầ o V Khoa